

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HS-ST
Ngày: 13/5/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Mỹ

2. Bà Dương Thị Mộng Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Nam - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tâm

– Kiểm sát viên.

Trong ngày 13/5/2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai, Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 10/2020/TLST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Rơ Lan L; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1959, tại Gia Lai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước khi phạm tội: Làng B, xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai; Dân tộc: Jarai; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 0/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Puih P (Đã chết) và bà Rơ Lan P1 (Đã chết); Bị cáo có vợ tên là Rơ Mah O và có 04 con (Lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 1996); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Có mặt tại phiên tòa.

2. Ksor B; Giới tính: Nam; Sinh năm: 1954, tại Gia Lai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước khi phạm tội: Làng B, xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai; Dân tộc: Jarai; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 0/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Rơ Mah N (Đã chết) và bà Ksor N1 (Đã chết); Bị cáo có vợ tên là Siu D (Đã chết) và có 04 con (Lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất sinh năm 1998); Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”; Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Rơ Lan L và Ksor B: Ông Thiều Hữu M – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Nguyên đơn dân sự: Ban quản lý rừng phòng hộ G.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Tiến H – Trưởng Ban quản lý rừng phòng hộ G. Vắng mặt,

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Ksor T; Sinh năm: 1992; Có mặt.

2. Anh Ksor H; Sinh năm: 1995; Có mặt.

3. Anh Siu T1; Sinh năm: 1996; Có mặt.

4. Anh Siu Đ; Sinh năm: 1981; Có mặt.

5. Anh Siu C; Sinh năm: 1987; Có mặt.

6. Anh Siu J; Sinh năm: 1987; Có mặt.

7. Anh Siu T2; Sinh năm: 1995; Có mặt.

Cùng địa chỉ cư trú: Làng B, xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai;

- *Người phiên dịch tiếng Jrai*: Ông Rơ Châm H – Công tác tại Công an huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu tháng 01 năm 2019, Rơ Lan L cùng với Puih H có đi săn bắt thú tại khu vực rừng ở xã C, huyện G thì phát hiện khu vực rừng có đất bằng phẳng, thuận lợi cho việc làm nương rẫy, cả hai cùng rủ nhau đi phá rừng. Sau đó, L và H cùng về nhà, mỗi người tự chuẩn bị riêng cho mình đồ ăn, thức uống và dao, rìu để đi phá rừng. Ngày hôm sau, H điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Taurus màu trắng đen mượn của Siu J chở L, mang theo 02 dao rựa, 02 rìu lên khu vực lô 9 khoảnh 5 tiểu khu 369 Lâm phần Ban quản lý rừng phòng hộ G thuộc xã C, huyện G để phá rừng làm nương rẫy. Tại đây, H và L dùng dao rựa và rìu chặt hạ các cây trong rừng tại 02 khu vực khác nhau và nằm cạnh nhau, chặt phá trong khoảng 07 ngày. Sau đó, H và L cùng nhau đi về. Đến ngày 15/01/2019, Rơ Lan L có chuẩn bị dao và rìu, mượn của Ksor B 01 cái rìu, mượn của Puih H 01 cái rìu và 01 cái dao đồng thời có nhờ 05 người cùng làng gồm: Ksor T (sinh năm: 1992), Ksor Hn (sinh năm: 1995), Siu T1 (sinh năm: 1996), Siu Đ (sinh năm: 1981), Siu C (sinh năm: 1987) mang theo dao và rìu lên khu vực lô 9 khoảnh 5 tiểu khu 369 lâm phần Ban quản lý rừng phòng hộ G thuộc xã C, huyện G để chặt phá cây rừng đổi công cho L tại khu vực rừng mà Rơ Lan L đã phát trước đó. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, Đoàn Biên phòng C tuần tra kiểm soát, phát hiện 05 người đổi công cho L đang chặt phá rừng thì tiến hành lập biên bản vụ việc, thu giữ 04 rìu, 03 dao rựa.

Ngoài ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra còn điều tra được vào đầu tháng 01 năm 2019 Ksor B đi lên khu vực rừng ở xã C để săn bắt thú thì phát hiện khu vực đất bằng phẳng nên nảy sinh ý định chặt phá rừng làm nương rẫy. Do có con trai là Siu T thường xuyên đi rẫy ngang qua khu vực rừng xã C nên Ksor B mang theo dao rựa, rìu và nhờ Siu Thoáng chở đến gần khu vực rừng trên rồi sau đó đi bộ vào chặt phá rừng làm nương rẫy trong khoảng 07 ngày. Quá trình chặt phá rừng làm rẫy thì B có thấy ông Rơ Lan L và Puih H cũng chặt phá rừng làm rẫy ở khu vực rừng gần khu vực rừng mà Blum chặt phá. Sau đó, B nghe nói có Biên phòng phát hiện và lập biên bản những người phá rừng nên không lên khu vực rừng trên nữa.

Đến ngày 25/01/2019, Hạt kiểm lâm huyện G phối hợp với Công an huyện G, Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Ban quản lý rừng phòng hộ G, Đoàn biên phòng C và Ủy ban nhân dân xã C tiến hành khám nghiệm hiện trường, xác định diện tích, đo đếm khối lượng gỗ thiệt hại. Quá trình khám nghiệm hiện trường cho kết quả: vị trí rừng bị chặt phá thuộc

Lô 9, khoảnh 5, tiểu khu 369, xã C, huyện G, tỉnh Gia Lai. Tổng diện tích bị phá là 49.232 m² với 528 gốc chặt. Loại rừng: phân loại theo mục đích sử dụng thì khu vực bị chặt phá thuộc quy hoạch rừng phòng hộ. tại thời điểm kiểm tra, khu vực hiện trường có 06 điểm bị phá rừng hầu hết cây rừng đã bị chặt hạ, còn lại các gốc chặt. Một số vị trí thân, cành cây đã bị đốt dọn, còn trơ lại những gốc chặt. Đường kính các gốc chặt từ 12-75cm, chiều cao gốc chặt từ 30-270cm; chủng loại cây bị chặt hạ là: Cầm xe, sến mủ Bằng Lăng, Bình Linh, Thành ngạnh, Trâm, Dầu, Kơ Nia, Sp6, Lành ngạnh, Cám. Qua kiểm tra ban đầu bằng mắt thường, nhận thấy dụng cụ chặt hạ là rìu, dao rựa. Thời gian bị phá nhận định vào khoảng cuối năm 2018, đầu năm 2019.

Tại Kết luận giám định ngày 23/7/2019 của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn Gia Lai kết luận:

Về vị trí, loại rừng: Đối chiếu vị trí các điểm hủy hoại rừng với bản đồ quy hoạch 03 loại rừng kèm theo Nghị quyết 100/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc thông qua kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 tỉnh Gia Lai thì: Vị trí tại khoảnh 5, tiểu khu 369, thuộc lâm phần quản lý của Ban quản lý rừng phòng hộ G. Loại rừng: Thuộc quy hoạch rừng phòng hộ. Hệ số điều chỉnh thiệt hại về môi trường: Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định phương pháp định giá rừng; khung giá rừng, tại khoản 3, điều 11, quy định hệ số điều chỉnh thiệt hại về môi trường, chức năng sinh thái của rừng tự nhiên đối với rừng phòng hộ hệ số là 4. Tổng khối lượng gỗ thiệt hại theo nhóm, loài: Gỗ thân 101,310 m³, Gỗ cành ngọn: 12,213 m³, Củi: 14,058 Ster.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 50/KL-TS ngày 19/11/2019 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện G xác định: Định giá tài sản của 101,310 m³ gỗ thân, 12,213 m³ gỗ cành ngọn và 14,058 Ster củi tại 06 điểm phá rừng phát hiện ngày 15/01/2019 là: 284.215.400đ (hai trăm tám mươi bốn triệu hai trăm mười lăm nghìn bốn trăm đồng); Giá trị thiệt hại môi trường của 101,310 m³ gỗ thân, 12,213 m³ gỗ cành ngọn và 14,058 Ster củi tại 06 điểm phá rừng phát hiện ngày 15/01/2019 là: 284.215.400 đồng x 4 = 1.136.861.600 đồng (một tỷ một trăm ba mươi sáu triệu tám trăm sáu mươi một nghìn sáu trăm đồng).

Ngày 09/5/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G phối hợp với Hạt Kiểm lâm huyện, Viện Kiểm sát nhân dân huyện, Ban Quản lý rừng phòng hộ G, Đoàn Biên phòng C, Ủy ban nhân dân xã C tiến hành xác định hiện trường với sự tham gia của Rơ Lan L, Ksor B và Puih H, sau đó tiến hành trưng cầu giám định xác định khối lượng gỗ củi thiệt hại. Kết quả đã xác định được:

- Diện tích rừng đã bị Rơ Lan L chặt phá: 3.317m² (ba nghìn ba trăm mười bảy mét vuông) với 37 gốc chặt, trong đó có 1.025 m² là diện tích rừng mà Lễn đã chặt phá chung với 05 đối tượng phát đôi công. Đơn vị quản lý: Ban quản lý rừng phòng hộ G. Vị trí: lô 9, khoảnh 5, tiểu khu 369, thuộc xã C, huyện G, Gia Lai. Diện tích chặt phá đều nằm trong diện tích thuộc điểm số 1 (tọa độ trung tâm Ox: 390424 - Oy: 1534315). Loại rừng: Thuộc quy hoạch rừng phòng hộ.

Tại Kết luận giám định ngày 23/8/2019 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Gia Lai kết luận: tổng khối lượng lâm sản bị thiệt hại trên diện tích Rơ Lan L nhận là 8,009 m³ gỗ và 0,840 Ster củi.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 48/KL-TS ngày 18/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện G xác định: giá trị tài sản của 8,009 m³ gỗ và 0,840 Ster củi phát hiện ngày 15/01/2019 là: 18.220.780 đồng (mười tám triệu hai trăm hai mươi nghìn bảy trăm tám mươi đồng).

Giá trị thiệt hại về môi trường của 8,009 m³ gỗ và 0,840 Ster củi phát hiện ngày 15/01/2019 là: 18.220.780 đồng x 4 = 72.883.120 đồng (bảy mươi hai triệu tám trăm tám mươi ba nghìn một trăm hai mươi đồng).

- Diện tích rừng Puih H đã chặt phá: 3.686m² (ba nghìn sáu trăm tám mươi sáu mét vuông) với 28 gốc chặt. Đơn vị quản lý: Ban quản lý rừng phòng hộ G. Vị trí: lô 9, khoảnh 5, tiểu khu 369, thuộc xã C, huyện G, Gia Lai. Diện tích chặt phá nằm trong diện tích thuộc điểm số 1. Loại rừng: Thuộc quy hoạch rừng phòng hộ.

Tại Kết luận giám định ngày 22/8/2019 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Gia Lai kết luận: tổng khối lượng lâm sản bị thiệt hại trên diện tích Puih H nhận là 4,085 m³ gỗ và 0,440 Ster củi.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 47/KL-TS ngày 18/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện G xác định: giá trị tài sản của 4,085 m³ gỗ và 0,440 Ster củi phát hiện ngày 15/01/2019 là: 8.384.290 đồng (tám triệu ba trăm tám mươi bốn nghìn hai trăm chín mươi đồng).

Giá trị thiệt hại về môi trường của 4,085 m³ gỗ và 0,440 Ster củi phát hiện ngày 15/01/2019 là: 8.384.290 đồng x 4 = 33.537.160 đồng (ba mươi ba triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn một trăm sáu mươi đồng).

- Diện tích rừng Ksor B đã chặt phá: 3.964 m² (ba nghìn chín trăm sáu mươi bốn mét vuông) với 59 gốc chặt. Đơn vị quản lý: Ban quản lý rừng phòng hộ G. Vị trí: lô 9, khoảnh 5, tiểu khu 369, thuộc xã C, huyện G, Gia Lai. Diện tích chặt phá đều nằm trong diện tích thuộc điểm số 1. Loại rừng: Thuộc quy hoạch rừng phòng hộ.

Tại Kết luận giám định ngày 22/8/2019 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Gia Lai kết luận: tổng khối lượng lâm sản bị thiệt hại trên diện tích Ksor B nhận là 12,360 m³ gỗ và 1,270 Ster củi.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 49/KL-TS ngày 18/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện G xác định: giá trị tài sản của 12,360 m³ gỗ và 1,270 Ster củi phát hiện ngày 15/01/2019 là: 26.972.840 đồng (hai mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm bốn mươi đồng).

Giá trị thiệt hại về môi trường của 12,360 m³ gỗ và 1,270 Ster củi phát hiện ngày 15/01/2019 là: 26.972.840 đồng x 4 = 107.891.360 đồng (một trăm lẻ bảy triệu tám trăm chín mươi một nghìn ba trăm sáu mươi đồng).

Tại bản Cáo trạng số 10/CTr-VKS ngày 10/3/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố các bị cáo Rơ Lan L và Ksor B về tội “Hủy hoại rừng” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Rơ Lan L từ 20 – 22 tháng tù cho hưởng án treo; áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243, điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Ksor B từ 16 - 18 tháng tù cho hưởng án treo. Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Rơ Lan L phải bồi thường cho Ban quản lý rừng phòng G toàn bộ thiệt hại do bị cáo gây ra gồm giá trị tài sản của 8,009 m³ gỗ và 0,840 Ster củi là 18.220.780 đồng (mười tám triệu hai trăm hai mươi nghìn bảy trăm tám mươi đồng) và giá trị thiệt hại về môi trường của 8,009 m³ gỗ và 0,840 Ster là 18.220.780 đồng x 4 = 72.883.120 đồng (bảy mươi hai triệu tám trăm tám mươi ba nghìn một trăm hai mươi đồng). Tổng cộng là 91.103.900 đồng (Chín mươi một triệu một trăm không ba nghìn chín trăm đồng); Buộc bị cáo Ksor B phải bồi thường cho Ban quản lý rừng phòng G toàn bộ thiệt hại do bị cáo gây ra gồm giá trị tài sản của 12,360 m³ gỗ và 1,270 Ster củi là 26.972.840 đồng (hai mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm bốn mươi đồng) và giá trị thiệt hại về môi trường của 12,360 m³ gỗ và 1,270 Ster củi là 26.972.840 đồng x 4 = 107.891.360 đồng (một trăm lẻ bảy triệu tám trăm chín mươi một nghìn ba trăm sáu mươi đồng). Tổng cộng là 134.864.200 đồng (Một trăm ba mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn hai trăm đồng).

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu để tiêu hủy công cụ các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án dùng vào việc phạm tội là 01 (một) con dao rựa dài 60 cm, cán gỗ dài 32 cm, đường kính cán gỗ 04 cm, màu xám, lưỡi dao bằng kim loại màu xám, bề rộng lưỡi dao 04 cm. 01 (một) con dao rựa dài 55 cm, cán gỗ dài 30 cm, đường kính cán gỗ 04 cm, màu xám, lưỡi dao bằng kim loại màu xám, bề rộng lưỡi dao 04 cm. 01 (một) con dao rựa dài 53 cm, cán gỗ dài 24 cm, đường kính cán gỗ 04 cm, màu xám, lưỡi dao bằng kim loại màu xám, bề rộng lưỡi dao 3,5 cm. 01 (một) con dao rựa dài 50 cm, cán gỗ dài 25 cm, đường kính cán gỗ 04 cm, màu xám, lưỡi dao bằng kim loại màu xám, bề rộng lưỡi dao 04 cm. 01 (một) con dao rựa dài 46 cm, cán gỗ dài 20 cm, đường kính cán gỗ 04 cm, màu xám, lưỡi dao bằng kim loại màu xám, bề rộng lưỡi dao 04 cm. 01 (một) rìu cán gỗ dài 75 cm, đường kính cán 04 cm, rìu dài 75 cm gắn vào cán thành hình chữ “T”, lưỡi rìu dài 18 cm, rộng 09 cm. 01 (một) rìu cán gỗ dài 76 cm, đường kính cán 04 cm, rìu dài 72 cm gắn vào cán thành hình chữ “T”, lưỡi rìu dài 16 cm, rộng 07 cm. 01 (một) rìu cán gỗ dài 88 cm, đường kính cán 04 cm, rìu dài 75 cm gắn vào cán thành hình chữ “T”, lưỡi rìu dài 16 cm, rộng 06 cm. 01 (một) rìu cán gỗ dài 76 cm, đường kính cán 3,5 cm, rìu dài 68 cm gắn vào cán thành hình chữ “T”, lưỡi rìu dài 15 cm, rộng 07 cm.

Người bào chữa cho các bị cáo Rơ Lan L và Ksor B nhất trí với tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố và điều luật áp dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Phạm tội do lạc hậu” đối với các bị cáo và giảm nhẹ hình phạt, không áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo.

Các bị cáo nói lời nói sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Rơ Lan L khai nhận vào khoảng đầu tháng 01 năm 2019, bị cáo Rơ Lan L đã sử dụng dao rựa và rìu lên khu vực lô 9 khoảnh 5 tiểu khu 369 Lâm phần Ban quản lý rừng phòng hộ G thuộc xã C, huyện G để chặt hạ các cây rừng trong khoảng 07 ngày để lấy đất làm nương rẫy. Đến ngày 15/01/2019, thì bị Đoàn Biên phòng C phát hiện và lập biên bản. Qua điều tra đã xác định được diện tích rừng đã bị Rơ Lan L chặt phá là 3.317m^2 , thuộc quy hoạch rừng phòng hộ với 37 gốc chặt. Tại Kết luận giám định ngày 23/8/2019 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Gia Lai kết luận: tổng khối lượng lâm sản bị thiệt hại trên diện tích bị cáo Rơ Lan L chặt phá là $8,009\text{ m}^3$ gỗ và $0,840$ Ster củi. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 48/KL-TS ngày 18/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện G xác định: giá trị tài sản của $8,009\text{ m}^3$ gỗ và $0,840$ Ster củi phát hiện ngày 15/01/2019 là: $18.220.780$ đồng (mười tám triệu hai trăm hai mươi nghìn bảy trăm tám mươi đồng). Giá trị thiệt hại về môi trường của $8,009\text{ m}^3$ gỗ và $0,840$ Ster củi phát hiện ngày 15/01/2019 là: $18.220.780 \text{ đồng} \times 4 = 72.883.120$ đồng (bảy mươi hai triệu tám trăm tám mươi ba nghìn một trăm hai mươi đồng); Bị cáo Ksor B khai nhận vào đầu tháng 01 năm 2019, bị cáo Ksor B cũng sử dụng dao rựa, rìu lên khu vực lô 9 khoảnh 5 tiểu khu 369 Lâm phần Ban quản lý rừng phòng hộ G thuộc xã C, huyện G để chặt hạ các cây trong rừng trong khoảng 07 ngày để lấy đất làm nương rẫy. Qua điều tra đã xác định được diện tích rừng bị cáo Ksor B đã chặt phá là 3.964 m^2 , thuộc quy hoạch rừng phòng hộ. Tại Kết luận giám định ngày 22/8/2019 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Gia Lai kết luận: tổng khối lượng lâm sản bị thiệt hại trên diện tích bị cáo Ksor B chặt phá là $12,360\text{ m}^3$ gỗ và $1,270$ Ster củi. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 49/KL-TS ngày 18/11/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện G xác định: giá trị tài sản của $12,360\text{ m}^3$ gỗ và $1,270$ Ster củi phát hiện ngày 15/01/2019 là: $26.972.840$ đồng (hai mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm bốn mươi đồng). Giá trị thiệt hại về môi trường của $12,360\text{ m}^3$ gỗ và $1,270$ Ster củi phát hiện ngày 15/01/2019 là: $26.972.840 \text{ đồng} \times 4 = 107.891.360$ đồng (một trăm lẻ bảy triệu tám trăm chín mươi một nghìn ba trăm sáu mươi đồng).

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đều có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận hành vi của các bị cáo Rơ Lan L và Ksor B đã phạm vào tội “Hủy hoại rừng” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố các bị cáo theo tội danh nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Trong quá trình Điều tra, truy tố, xét xử, hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều đúng quy định của pháp luật.

[4] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án gồm những người đổi công cho bị cáo Rơ Lan L là Ksor T, Ksor H, Siu T1, Siu Đ, Siu C, quá trình điều tra xác định tổng diện tích rừng mà những người này phá cùng bị cáo Rơ Lan L là 1.025 m^2 , thuộc quy hoạch rừng phòng hộ, chưa đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự, họ cũng

chưa bị xử lý vi phạm hành chính về một trong các hành vi quy định tại Điều 243 Bộ luật Hình sự và chưa bị kết án về tội “Hủy hoại rừng”. Vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra đã chuyển hồ sơ cho Hạt kiểm lâm huyện G để xử lý đối với các đối tượng trên theo thẩm quyền là đúng; Đối với anh Siu J là người đã cho ông Puih Hi mượn xe mô tô, anh Siu T là người chở bị cáo Ksor B lên gần khu vực rừng, không biết việc bị cáo Ksor B phá rừng nên không phải là đồng phạm và không phải chịu trách nhiệm hình sự; Đối với phần diện tích 38.265 m² rừng bị phá còn lại, Cơ quan điều tra đã tiến hành các biện pháp điều tra xác minh nhưng đến nay chưa xác định được người vi phạm, Cơ quan Cảnh sát điều tra cũng đã ra Quyết định tách vụ án hình sự để tiếp tục điều tra là đúng theo quy định của pháp luật; Trong quá trình truy tố thì ông Puih H đã chết do bị bệnh nên vào ngày 06/3/2020 Viện kiểm sát đã ra quyết định đình chỉ vụ án đối với ông Puih H là đúng quy định của pháp luật.

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm gây thiệt hại nghiêm trọng đến tài nguyên rừng của quốc gia. Đồng thời, tình trạng chặt phá, hủy hoại rừng để lấy đất làm nương rẫy trên địa bàn huyện G đang diễn biến hết sức phức tạp, do vậy cần phải xử phạt nghiêm mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong cộng đồng, góp phần nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của nhân dân trên địa bàn, nhất là công tác bảo vệ và phát triển tài nguyên rừng.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều là người cao tuổi, phạm tội lần đầu, sau khi phạm tội cũng đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đồng thời các bị cáo đều là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên, đều không được đi học nên nhận thức về pháp luật và xã hội hạn chế và bị ảnh hưởng bởi tập quán canh tác lạc hậu, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự chung cho các bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Ksor B là bệnh binh, có công với cách mạng, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, các bị cáo chỉ sử dụng công cụ phạm tội là Dao, rìu để chặt phá cây rừng chủ yếu là các loại cây gỗ thuộc nhóm 5 – nhóm 6, gây thiệt hại diện tích rừng cũng chỉ ở mức đầu khung hình phạt. Các bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần xử phạt tù cho hưởng án treo, tạo điều kiện cho các bị cáo được trực tiếp lao động cải tạo cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Rơ Lan L phải bồi thường cho Ban quản lý rừng phòng G toàn bộ thiệt hại do bị cáo gây ra gồm giá trị tài sản của 8,009 m³ gỗ và 0,840 Ster củi là 18.220.780 đồng (mười tám triệu hai trăm hai mươi nghìn bảy trăm tám mươi đồng) và giá trị thiệt hại về môi trường của 8,009 m³ gỗ và 0,840 Ster là 18.220.780 đồng x 4 = 72.883.120 đồng (bảy mươi hai triệu tám trăm tám mươi ba nghìn một trăm hai mươi đồng). Tổng cộng là 91.103.900 đồng (Chín mươi một triệu một trăm không ba nghìn chín trăm đồng); Buộc bị cáo Ksor B phải bồi thường cho Ban quản lý rừng phòng G toàn bộ

thiệt hại do bị cáo gây ra gồm giá trị tài sản của 12,360 m³ gỗ và 1,270 Ster củi là 26.972.840 đồng (hai mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm bốn mươi đồng) và giá trị thiệt hại về môi trường của 12,360 m³ gỗ và 1,270 Ster củi là 26.972.840 đồng x 4 = 107.891.360 đồng (một trăm lẻ bảy triệu tám trăm chín mươi một nghìn ba trăm sáu mươi đồng). Tổng cộng là 134.864.200 đồng (Một trăm ba mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn hai trăm đồng).

[9] Về xử lý vật chứng: Công cụ các bị cáo dùng vào việc phạm tội là 01 (một) con dao rựa dài 60 cm, cán gỗ dài 32 cm, đường kính cán gỗ 04 cm, màu xám, lưỡi dao bằng kim loại màu xám, bề rộng lưỡi dao 04 cm. 01 (một) con dao rựa dài 55 cm, cán gỗ dài 30 cm, đường kính cán gỗ 04 cm, màu xám, lưỡi dao bằng kim loại màu xám, bề rộng lưỡi dao 04 cm. 01 (một) con dao rựa dài 53 cm, cán gỗ dài 24 cm, đường kính cán gỗ 04 cm, màu xám, lưỡi dao bằng kim loại màu xám, bề rộng lưỡi dao 3,5 cm. 01 (một) con dao rựa dài 50 cm, cán gỗ dài 25 cm, đường kính cán gỗ 04 cm, màu xám, lưỡi dao bằng kim loại màu xám, bề rộng lưỡi dao 04 cm. 01 (một) con dao rựa dài 46 cm, cán gỗ dài 20 cm, đường kính cán gỗ 04 cm, màu xám, lưỡi dao bằng kim loại màu xám, bề rộng lưỡi dao 04 cm. 01 (một) rìu cán gỗ dài 75 cm, đường kính cán 04 cm, rìu dài 75 cm gắn vào cán thành hình chữ “T”, lưỡi rìu dài 18 cm, rộng 09 cm. 01 (một) rìu cán gỗ dài 76 cm, đường kính cán 04 cm, rìu dài 72 cm gắn vào cán thành hình chữ “T”, lưỡi rìu dài 16 cm, rộng 07 cm. 01 (một) rìu cán gỗ dài 88 cm, đường kính cán 04 cm, rìu dài 75 cm gắn vào cán thành hình chữ “T”, lưỡi rìu dài 16 cm, rộng 06 cm. 01 (một) rìu cán gỗ dài 76 cm, đường kính cán 3,5 cm, rìu dài 68 cm gắn vào cán thành hình chữ “T”, lưỡi rìu dài 15 cm, rộng 07 cm. Đây đều là vật không có giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử tịch thu để tiêu hủy.

[10] Về án phí: Các bị cáo là người cao tuổi, người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo Ksor B cũng là người có công với cách mạng, đều có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Rơ Lan L và Ksor B phạm tội: “Hủy hoại rừng”.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Rơ Lan L 24 (Hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 48 (Bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án (Ngày 13/5/2020).

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243, điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Ksor B 18 (Mười tám) tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách là 36 (Ba mươi sáu) tháng tính từ ngày tuyên án (Ngày 13/5/2020).

Giao các bị cáo Rơ Lan L và Ksor B về cho UBND xã Ia O, huyện G, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp các bị cáo Rơ Lan L và Ksor B thay đổi nơi cư trú thì thực hiện

theo khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi Hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp hình phạt với bản án mới theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự

- Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 90 của Luật Lâm nghiệp; Điều 11 của Thông tư số 32/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

Buộc bị cáo Rơ Lan L phải bồi thường cho Ban quản lý rừng phòng G toàn bộ thiệt hại là 91.103.900 đồng (Chín mươi một triệu một trăm không ba nghìn chín trăm đồng).

Buộc bị cáo Ksor B phải bồi thường cho Ban quản lý rừng phòng G toàn bộ thiệt hại là 134.864.200 đồng (Một trăm ba mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn hai trăm đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

- Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tịch thu để tiêu hủy vật dùng vào việc phạm tội và không có giá trị sử dụng gồm 01 (một) con dao rựa dài 60 cm, cán gỗ dài 32 cm, đường kính cán gỗ 04 cm, màu xám, lưỡi dao bằng kim loại màu xám, bề rộng lưỡi dao 04 cm. 01 (một) con dao rựa dài 55 cm, cán gỗ dài 30 cm, đường kính cán gỗ 04 cm, màu xám, lưỡi dao bằng kim loại màu xám, bề rộng lưỡi dao 04 cm. 01 (một) con dao rựa dài 53 cm, cán gỗ dài 24 cm, đường kính cán gỗ 04 cm, màu xám, lưỡi dao bằng kim loại màu xám, bề rộng lưỡi dao 3,5 cm. 01 (một) con dao rựa dài 50 cm, cán gỗ dài 25 cm, đường kính cán gỗ 04 cm, màu xám, lưỡi dao bằng kim loại màu xám, bề rộng lưỡi dao 04 cm. 01 (một) con dao rựa dài 46 cm, cán gỗ dài 20 cm, đường kính cán gỗ 04 cm, màu xám, lưỡi dao bằng kim loại màu xám, bề rộng lưỡi dao 04 cm. 01 (một) rìu cán gỗ dài 75 cm, đường kính cán 04 cm, rìu dài 75 cm gắn vào cán thành hình chữ “T”, lưỡi rìu dài 18 cm, rộng 09 cm. 01 (một) rìu cán gỗ dài 76 cm, đường kính cán 04 cm, rìu dài 72 cm gắn vào cán thành hình chữ “T”, lưỡi rìu dài 16 cm, rộng 07 cm. 01 (một) rìu cán gỗ dài 88 cm, đường kính cán 04 cm, rìu dài 75 cm gắn vào cán thành hình chữ “T”, lưỡi rìu dài 16 cm, rộng 06 cm. 01 (một) rìu cán gỗ dài 76 cm, đường kính cán 3,5 cm, rìu dài 68 cm gắn vào cán thành hình chữ “T”, lưỡi rìu dài 15 cm, rộng 07 cm. (Vật chứng nói trên có đặc điểm như nội dung biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày

30/3/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G, tỉnh Gia Lai và Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai).

- Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí lệ, phí Tòa án,

Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo Rơ Lan L và Ksor B phải nộp là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng). Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm bị cáo Rơ Lan L phải nộp là 4.555.195 đồng (Bốn triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn một trăm chín mươi lăm đồng). Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm bị cáo Ksor B phải nộp 6.743.210 đồng (Sáu triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn hai trăm mười đồng).

Các bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/5/2020). Đối với người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện G;
- Công an huyện G ;
- Bị cáo; Nguyên đơn DS;
- Người có QLNVLQ đến vụ án;
- UBND xã I,
- Sở Tư pháp;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu HSVA,THAHS,THADS;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Lê Văn Đính